

Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

Nguyễn Thanh Dung

Khoa Luật

Luận văn Thạc sĩ ngành: Luật hình sự; Mã số: 60 38 40

Người hướng dẫn: TS. Phạm Mạnh Hùng

Năm bảo vệ: 2012

Abstract: Nghiên cứu làm rõ khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và căn cứ của việc định tội danh, cũng như những yếu tố đảm bảo cho việc định tội danh đúng pháp luật. Phân tích làm rõ những căn cứ pháp lý cụ thể của việc "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy" được quy định tại Chương XVIII của BLHS. Tìm hiểu thực tiễn áp dụng của việc "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy" của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án hình sự những năm gần đây, phân tích những tồn tại và vướng mắc. Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự về "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy", cũng như công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy.

Keywords: Pháp luật Việt Nam; Luật hình sự; Định tội danh; Tội phạm ma túy

Content

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cả nhân loại đang nỗ lực hướng tới một cuộc sống hòa bình, hạnh phúc, không có ma túy, nhưng ma túy hiện vẫn là vấn đề được quan tâm trên toàn cầu. Theo số liệu mới nhất của cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm UNODC của Liên hợp quốc thì trên thế giới hiện có trên 200 triệu người nghiện ma túy và ở Việt Nam hiện có khoảng 173.600 người nghiện ma túy, trong đó có trên 70% người nghiện là dưới 30 tuổi và có khoảng 5% tổng số người sử dụng ma túy ở độ tuổi chưa thành niên (dưới 18 tuổi), đặc biệt có khoảng 50% tổng số người nghiện ma túy là trẻ em dưới 16 tuổi. Bên cạnh đó, ma túy còn là nguyên nhân gây mất trật tự an toàn xã hội, là nguồn gốc của nhiều loại tội phạm hình sự khác. Ma túy gắn liền với hành vi phạm tội và là nguồn gốc bổ sung của tội phạm. Khi bị nghiện, người nghiện ma túy sẵn sàng làm mọi việc để có tiền sử dụng ma túy như giết người, cướp của... Đây chính là rào cản lớn ngăn cản người xây dựng cuộc sống văn minh, hiện đại.

Trong 10 năm gần đây, tình hình tội phạm ma túy tiếp tục diễn biến phức tạp ở Việt Nam. Theo thống kê mới đây của Tòa án nhân dân tối cao, năm 2008 Tòa án các địa phương đã xét xử

9.044 vụ án với 12.071 bị cáo phạm các tội về ma túy tăng 1.383 vụ so với năm trước. Tình hình hoạt động của bọn tội phạm ma túy diễn ra chủ yếu trên các tuyến biên giới Tây Bắc, Miền Trung,

biên giới phía nam và tiếp tục đi sâu vào lục địa. Đáng chú ý là lượng hêrôin vận chuyển vào Việt Nam năm 2009 tăng 29% so với năm trước và lượng methamphetamin tăng 11 lần. Điểm mới nhất trong những năm qua là sự gia tăng hoạt động của băng nhóm tội phạm ma túy quốc tế. Chúng thực hiện hành vi buôn bán ma túy hết sức tinh vi trên địa bàn rộng lớn với cách thức tổ chức chặt chẽ, đặc biệt có sự cấu kết giữa các đối tượng buôn bán ma túy trong nước với nước ngoài. Các đối tượng phạm tội này thường rất hung hãn chống trả quyết liệt khi bị truy bắt. Mặt trận đấu tranh chống các tội phạm về ma túy luôn diễn ra khốc liệt giữa các chiến sỹ công an với các tên tội phạm về ma túy. Hơn 10 năm qua lực lượng cảnh sát đã giải quyết gần 100 vụ án về tội phạm ma túy xuyên quốc gia liên quan đến gần 150 đối tượng khác nhau, trong đó hầu hết là các hoạt động mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại.

Từ thực tế về tình hình tội phạm về ma túy, cơ quan có thẩm quyền cần phải nắm vững hành vi, cách thức thực hiện của bọn chúng để triệt phá băng nhóm tội phạm ma túy có tính chất nhỏ lẻ cũng như các đường dây ma túy lớn. Cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định đúng tội danh đối với những tội phạm về ma túy, để xử lý nghiêm khắc những kẻ mang đến "cái chết trắng" cho nhân loại. Hiện nay có rất nhiều loại ma túy phổ biến như hêrôin, cần sa, ma túy tổng hợp (ATS, Ecstasy, Dolophine, MS contin...), còn có rất nhiều loại ma túy tổng hợp khác mà cơ quan chức năng chưa xác định được. Vì vậy, việc xác định các chất nào đó là ma túy là việc cần thiết và quan trọng trong việc định tội danh đối với từng loại tội phạm về ma túy. Bên cạnh đó, tội phạm về ma túy là loại tội phạm đặc biệt nguy hiểm. Những đối tượng cầm đầu thường không lộ diện, chúng thuê người dân tộc thiểu số có đời sống khó khăn, đối tượng nghiện ma túy hoặc những người nhận thức pháp luật hạn chế. Những người thực hiện, giúp sức thường không biết tên tuổi, địa chỉ của đối tượng cầm đầu nên việc điều tra không được mở rộng và việc triệt phá đường dây cũng như đối tượng cầm đầu trong nhiều vụ án rất khó khăn. Đặc biệt, trong quá trình giải quyết án ma túy có nhiều vụ án không xác định đúng tội danh, đã khởi tố sai tội danh, dẫn đến việc phải ra quyết định thay đổi tội danh hoặc phải ra quyết định đình chỉ vụ án (Như vụ án Phùng Bảo Ninh: năm 2007, Toà án Tp Hồ Chí Minh tuyên bị cáo phạm tội mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy theo Điều 195 BLHS; nhưng đến năm 2010, Toà án Tp Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm tuyên bị cáo phạm tội buôn lậu...). Do vậy, cần xác định đúng tội danh đối với tội phạm này để trừng trị nghiêm khắc, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Chính những lí do trên mà chúng tôi đã lựa chọn vấn đề: ***"Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy"*** làm luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ với sự nhiệt tình mong muốn bày tỏ quan điểm cá nhân về vấn đề trên.

2. Tình hình nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu tìm hiểu pháp luật hình sự Việt Nam, định tội danh đối với các tội phạm về ma túy là một trong những nội dung quan trọng. Bởi vì, ma túy là một hiểm họa của loài người, việc xác định được tội danh đối với người buôn bán, vận chuyển trái phép chất

ma túy...là nhiệm vụ quan trọng trong việc ngăn ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy. Từ đó, có các biện pháp xử lý thật nghiêm minh đối với những kẻ gây ra "cái chết trắng" cho người dân Việt Nam, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ.

Khi chọn đề tài "***Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy***" cho luận văn Thạc sỹ tôi đã tham khảo: Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm), PGS-TSKH Lê Cẩm, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2007; Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2004. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn; Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 2009, NXB Công an nhân dân năm 2001; Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) GS-TS Võ Khánh Vinh, NXB Công an nhân dân năm 2001; Bình luận khoa học chuyên sâu Bộ luật hình sự (Phần các tội phạm), Th.s Đinh Văn Quế, NXB TP HCM năm 2005; Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (Phần các tội phạm), TS Ưông Chu Lưu (Chủ biên), NXB Chính trị Quốc gia năm 2004; Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), NXB Chính trị Quốc gia năm 2010 và một số luận văn, luận án tiến sĩ như luận văn "*Mối quan hệ giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy*" của Ths Nguyễn Minh Thành, Vụ 1C, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, năm 2011; Luận văn Thạc sỹ của Nguyễn Mạnh Cường (Vụ 1A, Viện kiểm sát nhân dân tối cao) về "Áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố các vụ án ma túy theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam", năm 2007; Luận văn Thạc sỹ của Nguyễn Thị Mai Nga (Vụ 1C, Viện kiểm sát nhân dân tối cao) về "Nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan cảnh sát điều tra trong quá trình giải quyết các vụ án ma túy"...

Hầu hết những tài liệu khoa học trên phạm vi nghiên cứu rộng hoặc theo một số khía cạnh nhất định, trong đó vấn đề "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy" chỉ là một phần nhỏ trong nội dung nghiên cứu của các tác giả, tác giả vẫn chưa đi sâu vào phân tích về mặt lý luận và thực tiễn về định tội danh đối với từng loại tội phạm về ma túy.

Trong luận văn này, chúng tôi đi nghiên cứu sâu sắc vào những quy định của pháp luật hình sự về "***Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy***", thực trạng giải quyết vụ án hình sự trong những năm gần đây và qua đó, tìm ra khó khăn, tồn tại và đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng.

3. Mục đích, nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu

3.1. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

Trong phạm vi của luận văn tốt nghiệp, chúng tôi mong muốn đưa ra cái nhìn tổng quát về các quy định của pháp luật hình sự đối với việc "Định tội danh đối với tội phạm về ma túy", cũng như việc áp dụng quy định này trong thực tiễn. Từ đó làm sáng tỏ những ưu điểm, những tồn tại và đưa ra giải pháp góp phần hoàn thiện các quy định về "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy", đồng thời nâng cao hiệu quả công tác thực hiện pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng. Để đạt được những mục đích đó trong quá trình nghiên cứu đề tài cần hoàn thiện nhiệm vụ cụ thể sau:

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa và căn cứ của việc định tội danh, cũng như những yếu tố đảm bảo cho việc định tội danh đúng pháp luật.

Thứ hai, phân tích làm rõ những căn cứ pháp lý cụ thể của việc "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy" được quy định tại Chương XVIII của BLHS.

Thứ ba, phân tích thực tiễn áp dụng của việc "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy" của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết vụ án hình sự những năm gần đây, phân tích những tồn tại và vướng mắc.

Thứ tư, đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự về "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy", cũng như công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các căn cứ pháp lý của pháp luật hình sự về "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy" thông qua BLHS, đồng thời thông qua các số liệu giải quyết các vụ án hình sự từ năm 2006 đến năm 2010 để phân tích, tìm ra những khó khăn, tồn tại trong công tác định tội danh đối với các tội phạm về ma túy.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được thực hiện trên cơ sở phương pháp chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi còn sử dụng phương pháp như phương pháp lịch sử, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp và phương pháp thống kê tình hình thực tiễn, áp dụng "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy" của cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ án hình sự. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn cũng đánh giá tình hình và từ đó đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng quy định "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy".

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Kết quả nghiên cứu của luận văn tốt nghiệp góp phần hoàn thiện lý luận về các quy định "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy". Luận văn đi sâu vào nghiên cứu vấn đề chung về định tội danh, phân tích cụ thể các căn cứ pháp lý của "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy", dựa trên kết quả công tác giải quyết vụ án hình sự của cơ quan tiến hành tố tụng trong những năm gần đây để đánh giá tồn tại, hạn chế của việc "Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy", từ đó tìm ra nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế này để có giải pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

Luận văn còn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo lý luận, có thể sử dụng làm tài liệu nghiên cứu học tập và sử dụng trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có cấu trúc gồm ba chương:

Chương I. Những vấn đề chung về định tội danh đối với các tội phạm về ma túy.

Chương II. Định tội danh đối với các tội phạm cụ thể về ma túy của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình giải quyết vụ án hình sự từ năm 2006 đến 2010.

Chương III. Một số giải pháp nâng cao chất lượng việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY

1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc định tội danh

1.1.1.1. Khái niệm về định tội danh

Định tội danh có thể được hiểu là hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án nhằm xác định sự phù hợp giữa hành vi thực tế đã thực hiện với các cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS, từ đó xác định một người có phạm tội hay không, và phạm tội theo điều luật nào của BLHS.

1.1.1.2. Đặc điểm của việc định tội danh

Thứ nhất, định tội danh là hoạt động tiến hành tố tụng được tiến hành bởi cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát và Tòa án) và một số cơ quan khác có thẩm quyền.

Thứ hai, việc định tội danh được tiến hành trên cơ sở áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự. Người định tội danh lựa chọn đúng quy phạm pháp luật hình sự để áp dụng đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể nào đó được thực hiện trong thực tế khách quan.

Thứ ba, hoạt động định tội danh là hoạt động đối chiếu sự phù hợp giữa các dấu hiệu thực tế của cấu thành tội phạm với dấu hiệu pháp lý của cấu thành tội phạm được mô tả trong BLHS.

Thứ tư, sau khi đối chiếu sự phù hợp giữa dấu hiệu thực tế của cấu thành tội phạm với dấu hiệu pháp lý của cấu thành tội phạm được mô tả trong luật hình sự thì cơ quan có thẩm quyền sẽ đưa ra kết luận người đó phạm vào tội gì theo điều luật nào của BLHS bằng một quyết định cụ thể.

1.1.1.3. Ý nghĩa của việc định tội danh

Thứ nhất, việc định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

Thứ hai, định tội danh đúng là một trong những cơ sở để áp dụng chính xác các quy phạm pháp luật tố tụng hình sự về tạm giam, thời hạn tạm giam, khởi tố vụ án hình sự... bằng cách đó, định tội danh đúng sẽ góp phần đặc lực vào việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Thứ ba, định tội danh đúng là sự thể hiện hoạt động có hiệu quả, ý thức tuân thủ pháp luật triệt để và ý thức trách nhiệm trong hoạt động nghề nghiệp của các cơ quan có thẩm quyền.

Thứ tư, định tội danh sai sẽ không thuyết phục được người phạm tội về tính đúng đắn và nghiêm minh của bản án, làm giảm hiệu quả giáo dục của bản án đối với quần chúng nhân dân và đồng thời, làm giảm uy tín và hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật, làm giảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

1.1.2.1. Khái niệm của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy là hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) và một số cơ quan khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án nhằm xác định sự phù hợp giữa hành vi thực tế đã thực hiện với các cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Chương XVIII của BLHS, từ đó xác định một người có phạm tội về ma túy hay không, và phạm tội theo điều luật nào của chương này.

1.1.2.2. Đặc điểm của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

Định tội danh đối với tội phạm về ma túy có những đặc điểm được dựa trên những đặc điểm đặc trưng của tội phạm ma túy như:

Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy phải dựa vào cấu thành tội phạm vật chất của tội phạm được quy định trong Chương XVIII của BLHS.

Định tội danh đối với tội phạm về ma túy phải được tiến hành trước, trên cơ sở đó mới có thể tiến hành được việc quyết định hình phạt.

1.1.2.3. Ý nghĩa của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

Thứ nhất, việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy đúng sẽ là tiền đề cho việc xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt được chính xác đối với từng tội danh về ma túy.

Thứ hai, việc xác định tội danh đúng đối với tội phạm về ma túy là sự thể hiện hoạt động có hiệu quả, ý thức tuân thủ pháp luật triệt để và ý thức trách nhiệm trong quá trình giải quyết án ma túy, từ đó góp phần vào công cuộc đấu tranh và phòng chống ma túy.

Thứ ba, việc định tội danh sai sẽ dẫn đến việc quyết định hình phạt sai, từ đó làm cho hình phạt đã tuyên không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội ma túy.

1.2. Căn cứ và những yếu tố đảm bảo cho việc định tội danh đúng đối với các tội phạm về ma túy

1.2.1. Những căn cứ pháp lý và căn cứ khoa học của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

1.2.1.1. Những căn cứ pháp lý của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

Căn cứ pháp lý của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy là những quy phạm pháp luật hình sự được quy định trong Chương XVIII của BLHS với tính chất là cơ sở pháp lý duy nhất (trực tiếp) cho toàn bộ quá trình xác định dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện là tội phạm ma túy. Các văn bản pháp luật hình sự khác chỉ là văn bản dưới luật làm nhiệm vụ hướng dẫn, giải thích Chương XVIII của BLHS để đảm bảo cho việc áp dụng quy định pháp luật được đúng đắn, chính xác và hiệu quả trong thực tiễn.

1.2.1.2. Căn cứ khoa học của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

Dựa vào yếu tố cấu thành chung của tội phạm, chúng tôi đưa ra dấu hiệu pháp lý chung của tội phạm ma túy:

Khách thể của các tội phạm về ma túy:

Các tội phạm ma túy xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy; xâm phạm trật tự, an toàn xã hội và xâm phạm sức khỏe, ...

Đối tượng tác động của tội phạm ma túy là các chất ma túy như thuốc phiện, hêrôin, côcain,... và các tiền chất để sản xuất ra chất ma túy.

Chủ thể của các tội phạm về ma túy: chủ thể của các tội phạm này là những người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo quy định của Bộ luật hình sự.

Mặt khách quan của các tội phạm về ma túy: bao gồm năm nhóm hành vi sau:

- Hành vi trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy;
- Các hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy; chiếm đoạt chất ma túy; tổ chức sử dụng, chứa chấp việc sử dụng, cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy;
- Hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua, bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;

- Hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;
- Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác.

Mặt chủ quan của các tội phạm về ma túy: tội phạm được thực hiện theo lỗi “cố ý trực tiếp”, một số trường hợp theo lỗi “vô ý” (Điều 201).

1.2.2. Những yếu tố đảm bảo cho việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

1.2.2.1. Năng lực chuyên môn của người định tội danh

Để có năng lực chuyên môn vững vàng, người định tội danh phải là người nắm chắc những kiến thức được giảng dạy ở trường đại học và phải thường xuyên trau dồi chuyên môn, thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật mới về ma túy, chịu khó học hỏi kinh nghiệm của những thế hệ đi trước.

1.2.2.2. Đạo đức nghề nghiệp của người định tội danh

Người định tội danh có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp thể hiện ở chỗ: “là người có ý thức tuân thủ pháp luật cũng như gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, là người có trách nhiệm và lương tâm trong hoạt động nghề nghiệp; là người chiến sỹ kiên cường, dũng cảm trên mặt trận chống tội phạm, bảo vệ công bằng xã hội và là người có thái độ làm việc khách quan, vô tư trong công việc nhằm bảo vệ công lý”.

1.2.2.3. Hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh

Chỉ trên cơ sở hệ thống pháp luật mà trước hết là hệ thống pháp luật hình sự hoàn chỉnh, đặc biệt là Chương XVIII, người tiến hành định tội danh mới có thể có điều kiện phát huy được khả năng làm việc của mình trong quá trình giải quyết án ma túy.

Chương 2

ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM CỤ THỂ VỀ MA TÚY CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÌNH SỰ TỪ NĂM 2006 ĐẾN NĂM 2010

2.1. Một số khái niệm liên quan đến các tội phạm về ma túy

“*Chất ma túy*” là các chất gây nghiện, chất hướng thần được quy định trong các danh mục do Chính phủ ban hành.

Danh mục các chất ma túy, tiền chất ma túy do Chính phủ ban hành bao gồm 234 chất ma túy và 24 tiền chất để sản xuất ra chất ma túy.

Căn cứ vào các điều luật về tội phạm ma túy trong BLHS năm 1999 và sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009, tội phạm về ma túy được hiểu là “*những hành vi cố ý xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, chất hướng thần và tiền chất trong việc trồng, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán và các hành vi khác*”.

2.2. Một số vấn đề liên quan đến việc định tội danh đối với một số tội phạm cụ thể về ma túy

Qua việc nghiên cứu về phần các tội phạm trong BLHS Việt Nam hiện hành, chúng ta có thể thấy rõ dấu hiệu pháp lý cụ thể được quy định từ Điều 192 - 201 tại Chương XVIII của BLHS về các tội phạm về ma túy.

2.2.1. Tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy (Điều 192)

Khách thể của tội phạm: là hành vi xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Đối tượng tác động của tội này cây thuốc phiện (hay còn gọi là cây anh túc) và các loại cây khác có chứa chất ma túy như cây côca, cây cần sa...

Mặt khách quan của tội phạm: Mặt khách quan của tội này thể hiện ở hành vi gieo trồng, chăm bón hoặc thu hoạch các bộ phận của cây (lá, hoa, quả, thân cây) có chứa chất ma túy.

Người vi phạm chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trồng cây thuốc phiện hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy khi đáp ứng đầy đủ ba điều kiện:

Thứ nhất, "Đã được giáo dục nhiều lần" là việc người đó đã được cơ quan nhà nước, tổ chức, người có trách nhiệm ở địa phương từ 2 lần trở lên vận động, thuyết phục, nhắc nhở về việc không được trồng cây có chứa chất ma túy hoặc phổ biến đường lối, chính sách, quy định của pháp luật về cấm trồng cây có chứa chất ma túy.

Thứ hai, "Đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống" được thể hiện khi người đó đã được cơ quan chức năng, chính quyền địa phương hỗ trợ về tiền vốn, kỹ thuật để sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi hoặc đã được hướng dẫn về kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lương thực... để thay thế các loại cây có chứa chất ma túy.

Thứ ba, "Đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà vẫn còn vi phạm" được hiểu là trước đó người này đã có hành vi trồng cây có chứa chất ma túy và đã bị xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh xử phạt vi phạm hành chính năm 2002, mà lại tiếp tục có hành vi trồng cây có chứa chất ma túy và bị phát hiện.

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện là lỗi cố ý trực tiếp.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi do luật định (từ đủ 16 tuổi trở lên).

2.2.2 Tội sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 193)

Khách thể của tội phạm: Tội sản xuất trái phép chất ma túy xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, trực tiếp là hoạt động sản xuất chất ma túy. Tội phạm còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội.

Đối tượng của tội này là các chất ma túy, các nguyên liệu thực vật có chứa chất ma túy và các tiền chất ma túy.

Mặt khách quan của tội phạm: Mặt khách quan của tội “sản xuất trái phép chất ma túy” là hành vi làm ra chất ma túy (chế biến, điều chế...) bằng thủ công hoặc có áp dụng khoa học công nghệ từ cây có chứa chất ma túy, từ các tiền chất và các hóa chất hoặc làm ra chất ma túy này từ chất ma túy khác mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền hoặc không đúng với nội dung đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Các chất ma túy có thể được tạo ra theo một trong các phương pháp phổ biến sau:

Chiết xuất được hiểu là tách tinh chất từ thảo mộc hoặc từ hỗn hợp chất bằng những phương pháp khác nhau như lấy nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa rồi sau đó chế biến thành thuốc phiện.

Điều chế được hiểu là quá trình chuyển hoá từ chất ma túy này sang chất ma túy khác như điều chế nhựa thuốc phiện thành moophin, từ moophin thành hêrôin ...

Pha chế là hành vi trộn lẫn các chất để tạo thành hỗn hợp ở thể rắn hoặc thể lỏng có chứa chất ma túy như sản xuất thành viên nén, viên con nhộng...

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định (theo khoản 1 Điều 93 chủ thể của tội phạm là từ đủ 16 tuổi trở lên; theo khoản 2, 3 và 4 thì chủ thể của tội phạm là từ đủ 14 tuổi trở lên).

2.2.3. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy (Điều 194)

Điều 194 BLHS quy định bốn tội phạm cụ thể sau:

- ❖ Tội tàng trữ trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội vận chuyển trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội mua bán trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội chiếm đoạt trái phép chất ma túy.

Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán, sở hữu các chất ma túy và xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội.

Mặt khách quan của tội phạm:

Các loại hành vi khách quan của tội phạm này là:

“Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy” là hành vi cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào như trong nhà, ngoài vườn, cất giấu trong quần áo...

“Hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy” là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp chất ma túy từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào như có thể bằng các phương tiện

khác nhau, trên các tuyến đường khác nhau, có thể để trong người,... mà không nhằm mục đích mua bán, tàng trữ hay sản xuất trái phép chất ma túy khác.

“*Hành vi mua bán trái phép chất ma túy*” được thể hiện một trong các hành vi sau: hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác; hành vi mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; hành vi xin chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; hành vi dùng chất ma túy nhằm trao đổi thanh toán trái phép (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có); hành vi dùng tài sản không phải là tiền đem trao đổi, thanh toán... lấy chất ma túy nhằm bán lại trái phép cho người khác; hành vi tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác; hành vi vận chuyển chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác.

“*Hành vi chiếm đoạt chất ma túy*” là hành vi chuyển chất ma túy của người khác thành của mình, được thể hiện một trong các hình thức như trộm cắp, lừa đảo, ...

Mặt chủ quan của tội phạm: tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định (theo khoản 1 Điều 194 chủ thể của tội phạm là từ đủ 16 tuổi trở lên; theo khoản 2, 3 và 4 thì chủ thể của tội phạm là từ đủ 14 tuổi trở lên).

2.2.4. Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy (Điều 195)

Điều 195 BLSH quy định bốn tội danh cụ thể sau:

- ❖ Tội tàng trữ tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội vận chuyển tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội chiếm đoạt dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy.

Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước ta về chất ma túy, trật tự an toàn xã hội.

Đối tượng tác động là các tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy. Theo Danh mục các chất ma túy và tiền chất của Chính phủ ban hành thì hiện nay có 24 tiền chất cần kiểm soát.

Mặt khách quan của tội phạm: hành vi khách quan của tội phạm này là một trong những hành vi sau:

“*Hành vi tàng trữ tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy*” là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp tiền chất ở bất cứ nơi nào như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, ... để dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy.

“*Hành vi vận chuyển tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy*” là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp tiền chất từ nơi này đến nơi khác dưới bất kỳ hình thức nào như có thể

bằng các phương tiện khác nhau; trên các tuyến đường khác nhau; có thể để trong người... để dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy.

“Hành vi mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy” là một trong các hành vi sau: “bán tiền chất cho người khác để người đó sản xuất trái phép chất ma túy; mua tiền chất nhằm bán cho người khác để người đó sản xuất trái phép chất ma túy; xin tiền chất nhằm bán trái phép cho người khác để người đó sản xuất trái phép chất ma túy; dùng tiền chất để trao đổi, thanh toán trái phép cho người khác để người đó sản xuất trái phép chất ma túy; dùng tài sản (không phải là tiền) đem trao đổi, thanh toán lấy tiền chất nhằm bán lại cho người khác để người đó sản xuất trái phép chất ma túy; tàng trữ tiền chất nhằm bán trái phép cho người khác để người đó sản xuất trái phép chất ma túy; vận chuyển tiền chất nhằm bán trái phép cho người khác để người đó sản xuất trái phép chất ma túy.

“Hành vi chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy” là một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, cưỡng đoạt, cướp, cướp giật, công nhiên chiếm đoạt... tiền chất của người khác để dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy.

Mặt chủ quan của tội phạm: tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Chủ thể của tội phạm: chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định (theo khoản 1 Điều 195 chủ thể của tội phạm là từ đủ 16 tuổi trở lên; theo khoản 2, 3 và 4 thì chủ thể của tội phạm là từ đủ 14 tuổi trở lên). Đối với tình tiết tăng nặng định khung ở khoản 2, chủ thể của tội phạm phải là người có chức vụ quyền hạn để phạm tội.

2.2.5. Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 196)

Điều luật quy định thành bốn tội phạm cụ thể sau:

- ❖ Tội sản xuất các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội tàng trữ các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội vận chuyển các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm vào chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước ta về chất ma túy, trật tự an toàn xã hội.

Đối tượng tác động của tội phạm là các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

Mặt khách quan của tội phạm: Hành vi khách quan của tội phạm là một trong những hành vi sau:

“Hành vi sản xuất các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy” là hành vi làm ra các vật chuyên dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy hay tuy được làm ra với mục đích khác, nhưng đã được sử dụng chuyên vào mục đích sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

“Hành vi tàng trữ các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy” là hành vi cất giữ các phương tiện, dụng cụ nêu trên ở bất kỳ địa điểm nào như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, ... để dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

“Hành vi vận chuyển các phương tiện dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy” là hành vi dịch chuyển các phương tiện, dụng cụ nêu trên từ nơi này đến nơi khác. Hành vi vận chuyển được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào và mục đích của hành vi nêu trên phải là dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

“Hành vi mua bán các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sản xuất hoặc sử dụng trái phép chất ma túy” được thể hiện một trong các hành vi sau: bán các phương tiện, dụng cụ nêu trên cho người khác để người đó dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; mua các phương tiện, dụng cụ nêu trên nhằm bán cho người khác để người đó dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; xin các phương tiện, dụng cụ nêu trên nhằm bán trái phép cho người khác để người đó dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; dùng các phương tiện, dụng cụ nêu trên để trao đổi, thanh toán trái phép cho người khác để người đó dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; dùng tài sản (không phải là tiền) đem trao đổi, thanh toán lấy các phương tiện, dụng cụ nêu trên nhằm bán lại trái phép cho người khác để người đó dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; tàng trữ các phương tiện, dụng cụ nêu trên nhằm bán trái phép cho người khác để người đó dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy; vận chuyển các phương tiện, dụng cụ nêu trên nhằm bán trái phép cho người khác để người đó dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy hoặc sử dụng trái phép chất ma túy.

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định (theo khoản 1 Điều 196 chủ thể của tội phạm là từ đủ 16 tuổi trở lên; theo khoản 2, 3 và 4 thì chủ thể của tội phạm là từ đủ 14 tuổi trở lên).

2.2.6. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197)

Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước ta về chất ma túy. Ngoài ra, tội phạm này còn xâm hại đến trật tự, an toàn xã hội và làm ảnh hưởng đến sức khỏe người khác.

Mặt khách quan của tội phạm:

Hành vi khách quan của tội này là hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Đó là những hành vi chủ động tập hợp một số người có nhu cầu sử dụng ma túy, chuẩn bị địa điểm, các dụng cụ, phương tiện, chất ma túy để tiến hành sử dụng trái phép chất ma túy và được thể hiện như sau: chỉ huy, phân công, điều hành các hoạt động đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; chỉ huy, phân công, điều hành việc chuẩn bị, cung cấp chất ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy, tìm người sử dụng chất ma túy.

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định (theo khoản 1 Điều 197 chủ thể của tội phạm là từ đủ 16 tuổi trở lên; theo khoản 2, 3 và 4 thì chủ thể của tội phạm là từ đủ 14 tuổi trở lên).

2.2.7. Tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 198)

Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm đến quy định của Nhà nước ta về quản lý, sử dụng các chất ma túy. Tội phạm còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội và xâm phạm gián tiếp đến sức khỏe người khác.

Mặt khách quan của tội phạm: Hành vi khách quan của tội phạm thể hiện một trong hai hành vi sau:

“*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” là hành vi của người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý biết người khác là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn cho họ mượn hoặc thuê địa điểm đó để họ trực tiếp sử dụng trái phép chất ma túy nhằm thỏa mãn nhu cầu của họ về sử dụng chất ma túy.

“*Có bất kỳ hành vi nào khác chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” là trường hợp người có địa điểm thuộc quyền chiếm hữu của mình hoặc do mình quản lý, biết người khác là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy để mặc cho họ hai lần sử dụng trái phép chất ma túy trở lên hoặc để mặc cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy.

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý, có thể là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định (theo khoản 1 Điều 198 chủ thể của tội phạm là từ đủ 16 tuổi trở lên; theo khoản 2, 3 và 4 thì chủ thể của tội phạm là từ đủ 14 tuổi trở lên).

2.2.8. Tội cưỡng bức, lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 200)

Điều 200 BLHS quy định hai tội phạm cụ thể:

- ❖ Tội cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy;
- ❖ Tội lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý chất ma túy, xâm phạm quyền tự do và sức khỏe của con người, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Mặt khách quan của tội phạm:

Mặt khách quan của tội này được thể hiện ở một trong hai hành vi sau:

“*Cưỡng bức người khác sử dụng trái phép chất ma túy*” là hành vi dùng vũ lực (dùng sức mạnh vật chất để tấn công người khác) hoặc đe dọa dùng vũ lực (đe dọa bằng sức mạnh vật chất) hoặc các thủ đoạn khác (đe dọa đốt nhà, làm mất danh dự, nhân phẩm của người bị hại) uy hiếp tinh thần của người khác để buộc họ phải sử dụng trái phép chất ma túy trái với ý muốn của họ.

“*Lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy*” là hành vi rủ rê, dụ dỗ, xúi giục (thường là đối tượng tuổi còn trẻ hoặc người chưa thành niên) hoặc bằng các thủ đoạn khác (như sử dụng thử cho họ thấy, cung cấp thông tin cho họ biết...) nhằm kêu gọi sự ham muốn của người khác để họ sử dụng trái phép chất ma túy.

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi nhất định (theo khoản 1 Điều 198 chủ thể của tội phạm là từ đủ 16 tuổi trở lên; theo khoản 2, 3 và 4 thì chủ thể của tội phạm là từ đủ 14 tuổi trở lên).

2.2.9. Tội vi phạm quy định về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác (Điều 201)

Khách thể của tội phạm: Tội phạm xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất gây nghiện và các chất ma túy khác. Tội phạm này còn xâm phạm trật tự, an toàn xã hội.

Đối tượng tác động của tội phạm: là các thuốc tân dược có chứa chất ma túy hoặc chất hướng thần được gọi chung là thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác (codein, pethidin, ...).

Mặt khách quan của tội phạm: Hành vi khách quan của tội phạm này là hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác. Hành vi này được hiểu là hành vi của người có trách nhiệm trong việc nghiên cứu, giám định, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, mua bán, vận chuyển, bảo quản, tàng trữ, phân phối, cấp phát, sử dụng, xử lý, trao đổi thuốc gây nghiện và các chất ma túy khác đã không làm đúng quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất đó.

Người phạm tội này có thể thực hiện dưới dạng hành động (như không thực hiện đúng với giấy phép quy định về số lượng, chất lượng, chủng loại, sai với các quy trình hoạt động, ...) và không hành động (như thiếu trách nhiệm trong các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu,...).

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện do lỗi cố ý hoặc do lỗi vô ý.

Chủ thể của tội phạm: Chủ thể của tội phạm này phải là người có trách nhiệm trong việc nghiên cứu, giám định, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, mua bán, vận chuyển, bảo quản, tàng trữ, phân phối, cấp phát, sử dụng, xử lý, trao đổi thuốc gây nghiện và các chất ma túy khác.

2.3. Tình hình các tội phạm về ma túy và đấu tranh chống các tội phạm về ma túy trong những năm 2006 đến 2010

Trong những năm qua, tình hình tội phạm ma túy diễn ra hết sức phức tạp cả về số lượng và tính chất nguy hiểm của tội phạm. Qua quá trình tìm hiểu về tình hình tội phạm về ma túy, chúng tôi thấy có một số điểm sau:

Thứ nhất, trong 5 năm qua (2006-2010), lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy đã phối hợp với lực lượng Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Cảnh sát biển phát hiện, bắt giữ: 59.738 vụ/ 90.964 đối tượng; thu giữ 986 kg êrôin ; 242 kg thuốc phiện; trên 50,46 kg và 671.051 viên ma túy tổng hợp; 17.522 kg cần sa và nhiều vũ khí, phương tiện, tài sản khác có liên quan.

Thứ hai, theo thống kê của Cục thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tổng số các vụ án phạm tội về ma túy từ năm 2006 đến năm 2010 là 54.640 vụ với 71.415 bị can. Trong tất cả các tội phạm về ma túy thì tội mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy (Điều 194 BLHS) chiếm tỉ lệ cao nhất, khoảng 96,49% (52.717 vụ với 65.534 bị can), tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197 BLHS) chiếm tỉ lệ khoảng 1,6% và tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 198 BLHS) là khoảng 0,7%, còn lại là các tội phạm về ma túy khác.

Thứ ba, theo báo cáo thống kê của Tòa án các cấp, từ năm 2006 đến 2010 toàn ngành Tòa án nhân dân đã xét xử sơ thẩm 55.669 vụ án với 74.625 bị cáo trong tổng số 60 167 vụ với 81.077 bị cáo phải giải quyết đạt tỉ lệ 92,5%.

2.4. Một số tồn tại, hạn chế của việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình định tội danh đối với tội phạm về ma túy còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế sau:

Thứ nhất, một số vụ án không xác định đúng tội danh, đã khởi tố sai tội danh hoặc phải ra các quyết định thay đổi tội danh của bị can và có một số vụ án chứng cứ buộc tội yếu nhưng vẫn khởi tố sau đó phải đình chỉ.

Thứ hai, một số vụ án chứng cứ còn yếu chưa thể hiện rõ về tội danh, do đó giữa Viện kiểm sát và Cơ quan cảnh sát điều tra còn có nhiều quan điểm khác nhau khởi tố hoặc không khởi tố, giữa tội này với tội khác.

Thứ ba, nhiều vụ án Điều tra viên, Kiểm sát viên chưa chủ động trong quan hệ phối hợp giải quyết án ma túy ở giai đoạn điều tra. Điều tra viên không trao đổi hoặc trao đổi

không cụ thể với Kiểm sát viên những vấn đề khó khăn, phát sinh trong quá trình điều tra vụ án, đến khi vụ án kết thúc điều tra, Kiểm sát viên mới tiếp cận đầy đủ hồ sơ vụ án thì mới phát hiện thiếu sót.

Thứ tư, cơ sở pháp lý của mối quan hệ phối hợp giải quyết án hình sự nói chung và án ma túy nói riêng giữa Viện kiểm sát và cơ quan Cảnh sát điều tra không có giới hạn và không quy định cụ thể được vì mối quan hệ phối hợp mang tính trừu tượng, khó xác định ranh giới cụ thể trên cơ sở quy định của pháp luật.

Những tồn tại, hạn chế trong việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy có nhiều nguyên nhân, cụ thể như sau:

Một là, án ma túy là loại án có đặc thù riêng mà hệ thống pháp luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động định tội đối với các tội phạm về ma túy còn chưa đầy đủ và thiếu tính đồng bộ, nhất là sự bất cập của BLHS đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng định tội danh trong giải quyết án ma túy.

Hai là, trình độ chuyên môn của một số Kiểm sát viên, Điều tra viên và Thẩm phán còn hạn chế, chưa nắm vững BLHS, BLTTHS và một số văn bản hướng dẫn khác về điều tra, xử lý tội phạm về ma túy, dẫn đến sai sót trong việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy.

Ba là, diễn biến tình hình tội phạm ma túy ngày càng hết sức phức tạp, đa dạng, các đối tượng phạm tội ma túy ngày càng hoạt động tinh vi, xảo quyệt và mạnh động. Trong quá trình tiến hành hoạt động phạm tội, các đối tượng có xu hướng quốc tế hóa hoạt động phạm tội, hình thành đường dây, tổ chức cấu kết rất chặt chẽ.

Bốn là, đội ngũ cán bộ giải quyết các vụ án ma túy còn chịu nhiều áp lực và còn thiếu so với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và các chính sách xã hội ưu đãi đối với những cán bộ trực tiếp chiến đấu với tội phạm ma túy chưa thực sự được quan tâm. Cơ sở vật chất, điều kiện, phương tiện kỹ thuật còn hạn chế chưa đáp ứng được công tác phục vụ đấu tranh phòng, ngừa tội phạm ma túy.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VIỆC ĐỊNH TỘI DANH ĐỐI VỚI CÁC TỘI PHẠM VỀ MA TÚY

3.1. Hoàn thiện một số quy định của pháp luật hình sự liên quan đến các tội phạm về ma túy

Tội phạm về ma túy ngày càng diễn biến phức tạp, với nhiều thủ đoạn phạm tội mới trong khi một số quy định của BLHS đã lạc hậu và có những bất cập, văn bản hướng dẫn áp dụng luật chưa cụ thể ... nên việc áp dụng xử lý tội phạm gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Trong khi đó các điều luật cụ thể chưa nêu rõ những cấu thành cơ bản của tội phạm, dấu hiệu đặc trưng của một số tội phạm làm cho việc định tội danh hiện đang gặp nhiều khó khăn, phức

tạp, dễ có sự nhầm lẫn như: các tội “mua bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy” hoặc giữa tội “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tội “chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy”... Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung Chương XVIII của BLHS quy định các tội phạm về ma túy theo hướng tách các điều luật ghép nhiều tội thành các tội phạm độc lập.

Về các giải pháp cụ thể đối với một số điều luật qui định về tội phạm ma túy:

Thứ nhất, cần phải có điều luật quy định rõ khái niệm tội phạm về ma túy.

Điều 192a: Tội phạm về ma túy là những hành vi xâm phạm chế độ quản lý của nhà nước về chất gây nghiện và chất hướng thần trong việc trồng, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán và các hành vi khác.

Thứ hai, đối với “Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy” (Điều 194). Theo quy định của BLHS thì đây là điều luật ghép với 4 tội danh khác nhau (tàng trữ trái phép, vận chuyển trái phép, mua bán trái phép và chiếm đoạt trái phép chất ma túy). Việc quy định này nhằm giải quyết về mặt hình thức là giảm các điều luật có khung hình phạt cao nhất là tử hình trước xu thế chung của thế giới nhưng khi áp dụng pháp luật để giải quyết những trường hợp cụ thể trong thực tiễn gặp rất nhiều khó khăn. Theo quan điểm của chúng tôi, đề nghị BLHS nên tách Điều 194 thành 4 Điều luật riêng biệt là: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, Tội mua bán trái phép chất ma túy và Tội chiếm đoạt chất ma túy, trong đó chỉ duy trì mức hình phạt tử hình với Tội mua bán trái phép chất ma túy.

Thứ ba, đối với “Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy” (Điều 195). Không nên qui định là tội phạm đối với một số hành vi không còn nguy hiểm cho xã hội trong điều kiện phát triển mới của đất nước, thay vào đó là các biện pháp xử lý khác như xử lý hành chính, dân sự... như không nên coi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép thuốc hướng thần vào mục đích kinh doanh là tội phạm ma túy.

Thứ tư, đối với “Tội vi phạm về quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện hoặc các chất ma túy khác” (Điều 201). Cần giảm hình phạt tù và cần áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ; chỉ nên áp dụng hình phạt tử hình đối với kẻ chủ mưu, cầm đầu trong đường dây sản xuất, mua bán trái phép chất ma túy với số lượng lớn; đồng thời, quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong cơ quan thi hành pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để hạn chế để phạm tội.

3.2. Tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật

Viện kiểm sát và Tòa án cùng cơ quan chuyên trách cần phải tổ chức các đợt tập huấn nhằm hướng dẫn cán bộ có thẩm quyền giải quyết vụ án về ma túy hiểu đúng những quy định trong Chương XVIII của BLHS và Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT về hướng dẫn áp dụng

một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của BLHS năm 1999 và các văn bản pháp luật khác về ma túy.

3.3. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp đối với đội ngũ cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán

Theo tinh thần của cải cách tư pháp, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án phải tập trung cao độ cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là lực lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán bảo đảm cho lực lượng này có đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác và đạo đức nghề nghiệp.

3.4. Kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị trong các cơ quan tiến hành tố tụng

Việc đổi mới này nhằm hoàn thiện hệ thống Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án có chất lượng, được thể hiện như sau:

Đối với Cơ quan điều tra: cần thực hiện việc thu gọn đầu mối Cơ quan điều tra (Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan an ninh điều tra được sát nhập là một), tinh giản bộ máy văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra và phân bổ các Điều tra viên vào các phòng trình sát để thực hiện việc gắn bó hoạt động đấu tranh với hoạt động trình sát, nhằm nâng cao hiệu quả trong đấu tranh chống tội phạm.

Đối với VKSND: Viện kiểm sát cần sớm kiện toàn và ổn định tổ chức các đơn vị làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, trong đó có Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án ma túy.

Đối với Toà án: cần tiếp tục đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Toà án nhân dân. Nghiên cứu sửa đổi luật theo hướng bảo đảm nguyên tắc độc lập trong xét xử của Toà án, tăng thẩm quyền xét xử cho Toà án địa phương, tiến tới thực hiện tổ chức Toà án theo hai cấp xét xử; nghiên cứu thành lập Toà án khu vực, áp dụng thủ tục rút gọn trong xét xử.

3.5. Tăng cường cơ sở vật chất, phoạt tiện làm việc cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án; có chế độ ọu đãi đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán làm công tác đấu tranh chống tội phạm ma túy

Trước yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy, Đảng và Nhà nước cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và thực hiện nhiều chế độ, chính sách đối với cán bộ các cơ quan tư pháp, đặc biệt là những người làm công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy.

3.6. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống ma túy

Để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm về ma túy quốc tế trong thời kỳ hội nhập hiện nay, chúng ta cần tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực tham gia ký kết các hiệp định, thoả thuận hợp tác quốc tế, đề cao vị trí, vai trò của Cơ quan tư pháp hình sự trong hợp tác quốc tế, làm cơ sở để phối hợp đấu tranh phòng ngừa tội phạm về ma túy.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ luật học: ***“Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy”*** cho phép chúng tôi đưa ra một số kết luận chung sau đây:

1. Tình hình hoạt động của tội phạm về ma túy tại Việt Nam ngày càng gia tăng, có địa bàn rộng, tổ chức chặt chẽ, đòi hỏi các cấp, các ngành và toàn xã hội phải chung tay nhằm phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và phòng ngừa đối với loại tội phạm này và những hệ lụy do nó đem lại. Đặc biệt, cơ quan có thẩm quyền giải quyết án ma túy cần có phương pháp định tội danh chính xác, không để lọt tội phạm và nghiêm trị những kẻ gieo “cái chết trắng” cho xã hội.

2. Thực tiễn giải quyết vụ án ma túy cho thấy công tác định tội danh đối với tội phạm về ma túy còn gặp nhiều khó khăn, tồn tại, vướng mắc nhất định, tác động ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy. Do đó, tác giả nghiên cứu về “Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy” là có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

3. Trong luận văn, tác giả đã bước đầu tiếp cận, khái quát, đưa ra có hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh trong quá trình giải quyết các vụ án ma túy. Khảo sát đánh giá tình hình diễn biến tội phạm ma túy từ năm 2006 đến năm 2010 trong quá trình giải quyết án của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề cập đến những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân trong việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy. Đây chính là những căn cứ quan trọng để xây dựng nội dung, giải pháp nhằm hoàn thiện nâng cao chất lượng việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy.

4. Trên cơ sở nghiên cứu khía cạnh pháp lý hình sự và thực tiễn giải quyết vụ án ma túy, luận văn đã đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng việc định tội danh đối với các tội phạm về ma túy như sau: 1, Hoàn thiện một số quy định của pháp luật hình sự liên quan đến các tội phạm về ma túy; 2, Tăng cường công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật; 3, Đẩy mạnh công tác nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp đối với đội ngũ cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán; 4, Kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị trong cơ quan tiến hành tố tụng; 5, Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án; chế độ ưu đãi đối với Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán làm công tác đấu tranh chống tội phạm ma túy; 6, Tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống ma túy. Các giải pháp trên có ý nghĩa quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án ma túy cũng như trong quá trình đấu tranh và phòng, chống tội phạm ma túy có hiệu quả hơn.

5. Để nghiên cứu và hoàn thành bản luận văn ***“Định tội danh đối với các tội phạm về ma túy”***, tác giả đã cố gắng sưu tầm tài liệu, tìm tòi nghiên cứu, vận dụng lý luận và thực tiễn.

Những giải pháp được đề cập trong bản luận văn tương đối cụ thể, tuy chưa toàn diện nhưng là những vấn đề cơ bản có thể hoàn thiện hơn nữa các quy định về tội phạm ma túy giúp cho các cơ quan giải quyết án ma túy giải quyết án nhanh hơn, hiệu quả và không làm oan người vô tội cũng như không bỏ lọt tội phạm.

Vì điều kiện và khả năng có hạn nên chắc chắn đề tài còn những khiếm khuyết, mong sự đóng góp ý kiến của các thầy và các đồng nghiệp để tôi có điều kiện hoàn thiện đề tài tốt hơn.

References

1. Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) (1998), Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao, *Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 1/1/1998 và Thông tư liên tịch số 02/TTLT ngày 5/8/1998 hướng dẫn áp dụng Chương VII A quy định các Tội phạm về ma túy*, Hà Nội.
2. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp (2007), *Thông tư số 17/ 2007/TTLN ngày 24/12/2007 quy định về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự năm 1999*, Hà Nội.
3. Dương Thanh Biểu (1999), *Thực trạng và giải pháp tăng cường công tác kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy*, Chuyên đề khoa học.
4. Chính phủ (2001), *Nghị định số 67/2001/NĐ-CP quy định về việc ban hành Danh mục các chất ma túy và tiền chất*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2003), *Nghị định số 133/2003/NĐ-CP quy định bổ sung vào Danh mục các chất ma túy và tiền chất, ban hành kèm theo Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 1/10/2003*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2003), *Nghị định số 58/2003/NĐ-CP ngày 29/5/2003 quy định về kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2007), *Nghị định số 163/2007/NĐ-CP ngày 12/11/2007 quy định sửa tên, bổ sung, chuyển, loại bỏ một số chất thuộc Danh mục chất ma túy và tiền chất ban hành kèm Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 1/10/2001*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2009), *Nghị định số 45/2009/NĐ-CP ngày 13/5/2009 quy định về việc hướng dẫn nhập khẩu mẫu, lấy mẫu, quản lý, sử dụng mẫu các chất ma túy, tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần về mục đích quốc phòng, an ninh*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2011), *Nghị định số 17/2011/NĐ-CP ngày 22/2/2011 quy định về bổ sung, sửa tên chất, tên khoa học đối với một số chất thuộc Danh mục các chất ma túy và tiền*

chất ma túy, ban hành kèm theo Nghị định số 67/2001/NĐ-CP ngày 1/10/2001 và Nghị định số 163/2007/NĐ-CP ngày 12/11/2007, Hà Nội.

10. Lê Cẩm (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

11. Lê Cẩm và Trịnh Quốc Toàn (2004), *Định tội danh: lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài tập thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

12. Lê Cẩm (2005), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

13. Nguyễn Mạnh Cường (2007), *Áp dụng pháp luật trong điều tra, truy tố các vụ án ma túy theo yêu cầu cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ luật học.

14. Phạm Đình Cửu (2010), *Các chất ma túy và một số giải pháp phòng chống*, Tạp chí Phòng chống ma túy – Ủy ban Quốc gia phòng, chống Aids và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, (5).

15. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08- NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.

16. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 48- NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

17. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết 49- NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

18. Trần Văn Đuộm (2005), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm, Tập I, Chương VIII)*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Hà Nội.

19. Nguyễn Phong Hòa (1998), *Các tội phạm về ma túy đặc điểm hình sự; dấu hiệu pháp lý; các biện pháp phát hiện và đấu tranh*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

20. Trần Minh Hưởng (2009), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Tập I)*, Nxb Lao động, Hà Nội.

21. Đỗ Văn Kha (2010), *Bàn về công tác phối hợp trong việc điều tra, truy tố và xét xử các vụ án ma túy*, Tạp chí Kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, (18).

22. Đỗ Văn Kha (2010), *Một số kinh nghiệm trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các tội phạm về ma túy*, Tạp chí Kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, (11).

23. Nguyễn Kiên (2010), *Một số vấn đề cần tập trung thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy vùng Tây Bắc và các tỉnh, thành phố liên quan*, Tạp

chí Phòng chống ma túy – Ủy ban Quốc gia phòng, chống Aids và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, (7).

24. Ông Chu Lưu (chủ biên) (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam 1999 (phần các tội phạm)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

25. Bùi Phương Lân (2009), *Hoàn thiện một số quy định trong quản lý tiền chất phục vụ cho công tác đấu tranh phòng chống ma túy trong giai đoạn hiện nay*, Tạp chí Phòng chống ma túy – Ủy ban Quốc gia phòng, chống Aids và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, (2).

26. Trần Văn Luyện (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (Phần các tội phạm, Chương XVIII)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

27. Dương Tuyết Miên (2007), *Định tội danh và quyết định hình phạt* (sách chuyên khảo – in lần hai, có sửa chữa bổ sung), Nxb Lao động – xã hội, Hà Nội.

28. Nguyễn Thị Mai Nga (2006), *Nâng cao hiệu quả quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Cơ quan cảnh sát điều tra trong giải quyết các vụ án ma túy*, Luận văn thạc sĩ luật học.

29. Nguyễn Thị Mai Nga (2009), *Những điều cần biết cho công tác xử lý vi phạm, tội phạm về ma túy (Tái bản lần thứ ba có bổ sung)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

30. Hương Nhung (2008), *Viện kiểm sát nhân dân tối cao tổ chức Hội nghị tập huấn Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT về hướng dẫn áp dụng một số điều tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy”*, Tạp chí Kiểm sát – Viện kiểm sát nhân dân tối cao, (17).

31. Đoàn Tất Minh (2010), *Phương pháp định tội danh và hoạt động định tội danh đối với các tội phạm trong BLHS hiện hành*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

32. Đinh Văn Quế (2001), *Bình luận khoa học chuyên sâu Bộ luật hình sự (phần các tội phạm)*, Nxb TP Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh

33. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.

34. Quốc hội (1985), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.

35. Quốc hội (1999), *Bộ luật Hình sự*, Hà Nội.

36. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự* (được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều), Hà Nội.

37. Quốc hội (2000), *Luật phòng, chống ma túy*, Hà Nội.

38. Quốc hội (2008), *Luật phòng, chống ma túy (được sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

39. Lê Thị Sơn (2009), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Tập 2, Chương XXIV)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

40. Hoàng Minh Thành (2009), *Một số giải pháp đấu tranh ngăn chặn các thủ đoạn cất giấu, vận chuyển trái phép chất ma túy ở nước ta*, Tạp chí Phòng chống ma túy – Ủy ban Quốc gia phòng, chống Aids và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, (3).

41. Hoàng Minh Thành (2011), *Mối quan hệ giữa Viện kiểm sát nhân dân với Cơ quan Cảnh sát điều tra trong đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy*, Luận văn thạc sĩ luật học.

42. Hoàng Minh Thành (2011), *Tình hình tội phạm sản xuất trái phép chất ma túy tổng hợp dạng ATS trong khu vực và những vấn đề đặt ra đối với công tác quản lý tiền chất tại Việt Nam*, Tạp chí Phòng chống ma túy – Ủy ban Quốc gia phòng, chống Aids và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, (4).

43. Hoàng Minh Thành – Nguyễn Tiến Dũng (2011), *Một số đặc trưng cơ bản của hoạt động đấu tranh tội phạm vận chuyển mua bán trái phép chất ma túy trên tuyến Tây Bắc*, Tạp chí Phòng chống ma túy – Ủy ban Quốc gia phòng, chống Aids và phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm, (3).

44. Nguyễn Mạnh Thường (2004), *Hệ thống hóa văn bản pháp luật về phòng, chống ma túy*, Nxb Lao động- xã hội, Hà Nội.

45. Toà án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 03- NQ/HĐTP ngày 17/2/2003 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

46. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2009), *Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự*, Hà Nội.

47. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2011), *Pháp lệnh Kiểm sát viên (được sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

48. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2011), *Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân (được sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.

49. Võ Khánh Vinh (2001), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

50. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết thực hiện các chương trình phòng, chống tội phạm, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS, buôn bán phụ nữ và trẻ em năm 2010 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2011*, Hà Nội.

51. Vụ 1C – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2006, 2007), *Báo cáo công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án ma túy*, Hà Nội.

52. Vụ 1C – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2008), *Báo cáo công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án ma túy*, Hà Nội.

53. Vụ 1C – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2009), *Báo cáo công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án ma túy*, Hà Nội.

54. Vụ 1C – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án ma túy*, Hà Nội.

55. Vụ 1C – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết 5 năm (2006 - 2010) công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án ma túy*, Hà Nội .

56. Vụ 1C – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Chuyên đề cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân trong điều tra các vụ án ma túy*, Hà Nội.

57. Vụ 1C – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Báo cáo sơ kết công tác giải quyết các vụ án về ma túy có đối tượng là người nước ngoài*, Hà Nội.

Trang Web

58. Http: // www.tapchikiemsat.org.vn

59. Http: // www.tkt.edu.vn

60. Http: // www.dantri.com.vn

61. Http: // www.vietnamnet.vn

62. Http: // www.24h.com.vn

63. Http:// www.baomoi.com